

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 25/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Th
2. Ông Lê Văn D

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền B - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân K - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Trương Phan Minh Ph (Tên gọi khác: không) - Giới tính: Nam; sinh năm 1986 tại tỉnh B; nơi cư trú: Nhà số 55A N, phường N, thành phố Q, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trương Minh D, sinh năm 1958 và bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1963. Hiện cha mẹ bị cáo sinh sống tại nhà số 55A N, phường N, thành phố Q, tỉnh B; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng tháng 6/2019, tại thành phố N, tỉnh K, Trương Phan Minh Ph cho một người tên B (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) mượn số tiền 20.000.000đ và B thế chấp cho Ph xe mô tô nhãn hiệu Yamaha NVX (Ph không nhớ biển số, B hẹn vài ngày sau sẽ giao giấy tờ xe cho Ph). Cùng ngày, Ph điều khiển xe mô tô về nhà tại thành phố Q, tỉnh B. Trên đường đi, biển số xe bị rơi mất (không xác định được địa điểm) nên Ph liên lạc với B qua mạng xã hội Facebook yêu cầu B gửi giấy đăng ký xe để làm lại biển số. Khoảng 01 tuần sau, Ph đến Bến xe Q nhận hàng do B gửi thông qua xe khách hoạt động tuyến N - Q, khi đó Ph nhận được 01

Giấy đăng ký xe mang tên Trương Phan Minh Ph cùng biển số 77L2-055.55. Sau khi nhận hàng, Ph tiếp tục liên lạc với **B** qua mạng xã hội Facebook thì **B** cho biết đây là giấy đăng ký xe và biển số giả rồi chấm dứt liên lạc, Ph không thể liên lạc được với người này. Ph biết giấy tờ và biển số là giả nhưng vẫn sử dụng vì cho rằng nếu không sử dụng thì cũng không lấy lại được số tiền đã đưa cho **B**. Những thông tin trên giấy đăng ký xe gồm họ tên, năm sinh và địa chỉ nhà, Ph khai nhận không cung cấp cho **B**, mà **B** có được trong quá trình quen biết với Ph từ năm 2018 và Ph cũng xác định không yêu cầu **B** làm giả giấy đăng ký xe và biển số xe. Đến tháng 3/2020, Ph đến huyện Đ, tỉnh G chơi nhưng nhận được tin mẹ bị đau bệnh, nên ngày 09/3/2020, Ph đưa xe cùng giấy đăng ký xe giả đến cửa hàng G (địa chỉ: 262 Nguyễn Huệ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) cầm cố với số tiền 25.000.000đ và quay về thành phố Q. Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên hai bên không xác định cụ thể thời hạn cầm cố, mà chủ cửa hàng là ông Trịnh Ngọc T (Sinh năm 1985) đồng ý cho Ph cầm cố đến khi có tiền thì trả lại xe. Đến ngày 26/11/2020, anh Nguyễn Thành P (Sinh năm 1995, trú tại thôn H 1, xã K, huyện Đ, tỉnh G) nhân viên cửa hàng G, trong quá trình điều khiển xe mô tô trên thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện Đ thu giữ xe do lỗi vi phạm Luật giao thông đường bộ. Qua tra cứu tàng thư, phát hiện biển số 77L2-055.55 và thông tin đăng ký xe không đúng với thông tin thực tế của xe mô tô đang tạm giữ, nên Đội Cảnh sát giao thông đã chuyển đến Cơ quan điều tra để xác minh, làm rõ. Sau khi làm việc với cơ quan điều tra, ông T - chủ cửa hàng G đã giao nộp Giấy đăng ký xe cùng hợp đồng cầm cố. Qua giám định đối với giấy đăng ký xe thu giữ được, xác định giấy đăng ký xe là giả. Ngày 30/3/2021, Ph quay lại cửa hàng “G” trả tiền thì biết xe mô tô đã tạm giữ nên đã ra đầu thú.

Ngoài ra, kết quả điều tra xác định số khung, số máy của xe mô tô nêu trên trùng khớp với xe mô tô được đăng ký với biển kiểm soát 79K1-032.24, chủ xe tên Nguyễn Tứ H (Sinh năm 1983, trú tại Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh K), xe mô tô này bị mất trộm vào ngày 29/5/2019. Vì vậy, CQĐT đã chuyển 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha NVX, số khung RLCSG4510GY003551, số máy G3H9E003554 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh K tiếp nhận để điều tra theo thẩm quyền. Đối với biển số 77L2-055.55 được cấp cho xe mô tô nhãn hiệu Honda SHMode, chủ xe tên Nguyễn Thị Bích P (Sinh năm 1980, trú tại 74 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Q, tỉnh B) và vẫn đang được bà P quản lý, sử dụng.

2. Vật chứng: Đối với giấy đăng ký xe mô tô số 095713 mang tên Trương Phan Minh Ph và biển số 77L2-055.55, chuyển theo vụ án để xử lý theo quy định.

3. Về dân sự: Không có ai có yêu cầu gì về việc bồi thường liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của*

cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo; Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy biển số xe máy giả có ký hiệu “77L2-055.55”; Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 09/3/2021, tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, bị cáo đã có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi cầm cố tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha NVX số khung RLCSG4510GY003551, số máy G3H9E003554.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Bị cáo đã sử dụng giấy phép lái xe giả để thực hiện giao dịch dân sự cầm cố tài sản. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù, cho hưởng án treo là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo

đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của bị cáo không mang tính chất vụ lợi về vật chất nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Đối với 01 Giấy đăng ký xe mô tô giả được chuyển theo hồ sơ vụ án để làm căn cứ xử lý nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án;

Đối với 01 biển số xe mô tô có số 77L2-055.55 do đối tượng **B** cung cấp cho bị cáo sử dụng nhưng đây là biển số giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với đối tượng tên **B** là người đã cung cấp xe mô tô, giấy đăng ký xe và biển số giả cho bị cáo cùng các hành vi có dấu hiệu phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Quá trình điều tra xác định địa điểm thực hiện hành vi tại tỉnh K, vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục điều tra, làm rõ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trương Phan Minh Ph** phạm tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Phan Minh Ph 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/02/2022.

Giao bị cáo Trương Phan Minh Ph cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh B nơi bị cáo cư trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, các Điều 89, 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô giả có ký hiệu “77L2-055.55” (*Theo như thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/02/2022 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ*).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Phan Minh Ph phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/02/2022), bị cáo có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- UBND phường N, Tp Q
- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H